TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **55**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 - 2023
V/v "*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà***: Bà Hồ Thị Triết
- ***Các hội thẩm nhân dân***: 1. Ông Lê Khắc Hiệp
2. Ông Phạm Văn Vũ
- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Nguyễn Hữu Lộc.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ptham gia phiên tòa:*** Trần Thị Mộng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Pxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/QĐST-HNGĐ; Thông báo về việc dời lịch xét xử số: 2043/TB-TA ngày 08/9/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: số 149/2, ấp QH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Mai Văn B, sinh năm 1978. Nơi cư trú: số 149/2, ấp QH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Htrình bày:

Vợ chồng bà cưới nhau trên cở sở tự nguyện và được 02 bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H L năm 2003 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/KH của UBND xã Hoà Lợi ngày 13/01/2003). Qua thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, gia đình thường xuyên lục đục, ông B thường xuyên đánh đập hành hạ bà và ông B có người phụ nữ khác bên ngoài sống như vợ chồng. Bà và ông B đã ly thân hơn 2 năm, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Mai Văn B. Bà không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: cháu Mai Anh T, sinh năm 1998, Mai Tuấn D, sinh ngày 24/5/2005 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Mai Văn B trình bày:

Ông thống nhất với bà Trần Thị Hvề thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung. Còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn mất hạnh phúc là do bà Hthường xuyên nói chuyện điện thoại với người đàn ông khác, không quan tâm chăm sóc chồng. Ông thừa nhận vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn hơn 3 năm và đã ly thân hơn 2 năm, nhưng hiện nay ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Hằng.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H. Ông không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: 02 con chung như bà Hnêu trên là đúng, đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: có ngôi nhà và đất, để lại cho hai con của ông và nếu bà Hđồng ý thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm túc chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Về hôn nhân: bà Hđược ly hôn với ông B. Không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Hyêu cầu ly hôn với ông Mai Văn B, do bị đơn sinh sống tại huyện Pnên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ptheo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị Hvà ông Mai Văn B cưới nhau trên cở sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HLnăm 2003 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/KH của UBND xã Hoà Lợi ngày 13/01/2003) là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân hơn 02 năm nay, trong khoảng thời gian không sống

chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân thì được xác nhận tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt nên yêu cầu xin ly hôn của bà Hlà có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Trần Thị Hđược ly hôn với ông Mai Văn B. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Toà án đã ban hành thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ số: 1247/TB-TA, ngày 20/7/2023 đề nghị các đương sự có yêu cầu chia tài sản chung thì phải làm đơn yêu cầu và đóng tạm ứng án phí theo quy định. Hết thời hạn theo thông báo nhưng bà Hvà ông B không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

Nếu các bên không tự thoả thuận được tài sản chung thì làm đơn yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Bà Hphải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H. Cho bà Trần Thị Hđược ly hôn với ông Mai Văn B. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.
- Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Hphải nộp 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số: 0006907 ngày 29/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Như vậy án phí Hđã nộp xong.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể

từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã H L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Hồ Thị Triết